

Số: 244/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 26**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 1283/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 74/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; số 137/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 phân cấp quyết định phân bổ chi tiết dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên

địa bàn tỉnh; số 207/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 155/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các đơn vị, địa phương, số tiền 50.080 triệu đồng, gồm:

1. Kinh phí bố trí cho các sở, ban, ngành (đơn vị cấp tỉnh): phân bổ chi tiết các nội dung dự án thực hiện tại cấp tỉnh số tiền 3.972 triệu đồng. (Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Kinh phí phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã: 46.108 triệu đồng; trong đó ngân sách Trung ương 43.090 triệu đồng, ngân sách tỉnh 3.018 triệu đồng. (Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Căn cứ số kinh phí được bổ sung, các địa phương phân bổ chi tiết theo từng tiểu dự án, nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện trên địa bàn phù hợp, hiệu quả theo Nghị quyết số 137/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, HĐ, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tú Anh



TỔNG HỢP DỰ KIẾN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 18/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025 (Triệu đồng)			Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh (đối ứng)	Tổng cộng		
	Tổng cộng	46.702	3.378	50.080		
A	Kinh phí bố trí các sở, ngành cấp tỉnh	3.612	360	3.972		
1	Hội Nông dân tỉnh	1.260	126	1.386	Hội Nông dân tỉnh (Trung tâm hỗ trợ nông dân)	
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Sở Y tế)	180	18	198	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Sở Y tế)	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	259	26	285	Sở Giáo dục và Đào tạo	
4	Sở Nội vụ	593	59	652	Sở Nội vụ	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	729	73	802	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
6	Chi cục Phát triển Nông thôn và Quản lý chất lượng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	213	21	234	Chi cục Phát triển Nông thôn và Quản lý chất lượng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	
7	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	270	27	297	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	
8	Sở Y tế	108	10	118	Sở Y tế	
B	Kinh phí bố trí cho các địa phương	43.090	3.018	46.108		
1	Thành phố Hà Tĩnh	3.644	255	3.899	UBND các huyện, thị xã, thành phố giao phòng chuyên môn hoặc UBND cấp xã triển khai thực hiện	
2	Huyện Nghi Xuân	3.027	212	3.239		
3	Thị xã Hồng Lĩnh	2.321	161	2.482		
4	Huyện Can Lộc	3.593	251	3.844		
5	Thị xã Kỳ Anh	3.203	225	3.428		
6	Huyện Đức Thọ	3.607	252	3.859		
7	Huyện Thạch Hà	4.231	297	4.528		
8	Huyện Cẩm Xuyên	4.231	297	4.528		
9	Huyện Hương Sơn	4.208	296	4.504		
10	Huyện Vũ Quang	2.868	201	3.069		
11	Huyện Hương Khê	3.897	273	4.170		
12	Huyện Kỳ Anh	4.260	298	4.558		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

DỰ KIẾN PHÂN BỐ DƯ TOÁN CHI THUỞNG XUYÊN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 244/NQ-10/ND-TP ngày 18/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025 (trillion đồng)			Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh (đối ứng)	Tổng cộng		
	Tổng cộng	3.612	360	3.972		
A	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	900	90	990		
-	Hội Nông dân tỉnh	900	90	990	Hội Nông dân tỉnh (Trung tâm hỗ trợ nông dân)	
B	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	36	4	40		
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Sở Y tế)	36	4	40	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	
C	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	852	85	937		
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	259	26	285		
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	259	26	285	Sở Giáo dục và Đào tạo	
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	593	59	652		
-	Sở Nội vụ	593	59	652	Sở Nội vụ	
D	Dự án 6: Truyền Thông và giảm nghèo về thông tin	967	96	1.063		
I	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	729	73	802		
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	729	73	802	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
II	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo	238	23	261		
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Sở Y tế)	144	14	158	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Sở Y tế)	
2	Chi cục Phát triển Nông thôn và Quản lý chất lượng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	94	9	103	Chi cục Phát triển Nông thôn và Quản lý chất lượng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	
E	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	857	85	942		
I	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	713	71	784		
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	180	18	198	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	
2	Sở Y tế	54	5	59	Sở Y tế	
3	Chi cục Phát triển Nông thôn và Quản lý chất lượng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	119	12	131	Chi cục Phát triển Nông thôn và Quản lý chất lượng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	
4	Hội Nông dân tỉnh	360	36	396	Hội Nông dân tỉnh	
II	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình	144	14	158		
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	90	9	99	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	
2	Sở Y tế	54	5	59	Sở Y tế	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH